



**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ**

**NGUYỄN BÍCH THẢO**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KIỂM SOÁT RỦI RO  
TÍN DỤNG TRONG CHO VAY DOANH NGHIỆP  
TẠI NGÂN HÀNG TMCP XĂNG DẦU PETROLIMEX  
(PGBANK)**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG**

**MÃ SỐ: 60.34.02.01**

**Đà Nẵng - Năm 2018**

Công trình được hoàn thành tại  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ, ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

**Người hướng dẫn khoa học: PGS. TS VÕ THỊ THUYẾT ANH**

**Phản biện 1: PGS.TS. NGUYỄN NGỌC VŨ**

**Phản biện 2: TS. LÊ CÔNG TOÀN**

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng họp tại Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng vào ngày 03 tháng 02 năm 2018

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, ĐHQĐ

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Hoạt động chủ yếu của ngân hàng là cho vay. Mọi kết quả của hoạt động này ảnh hưởng mạnh mẽ đến sự tồn tại của ngân hàng nói riêng và hệ thống ngân hàng của 1 quốc gia nói chung. Bên cạnh đó, nó còn ảnh hưởng và phản ánh được tình hình hoạt động kinh doanh của các ngành nghề khác, sự phát triển của nền kinh tế xã hội thông qua nhu cầu về hàng hóa dịch vụ và nhu cầu về vốn của doanh nghiệp đi vay.

Ngân hàng phải gánh chịu những rủi ro không chỉ bởi nguyên nhân chủ quan của mình, mà còn phải gánh chịu những rủi ro khách quan gây ra. Vì vậy, rủi ro tín dụng của Ngân hàng không những là cấp số cộng mà có thể là cấp số nhân rủi ro của nền kinh tế.

Nhiều ngân hàng muốn tối đa hóa lợi nhuận, để thu hút khách hàng đã bất chấp rủi ro, cho vay không kiểm soát, dẫn đến tỉ lệ nợ xấu nợ khó đòi tăng cao. Không chỉ doanh nghiệp làm ăn thua lỗ, kéo theo ngân hàng điều đứng vì mất khả năng thanh khoản.

Đồng thời, với những bước phát triển rất nhanh chóng đã đạt được tính đến 31/12/2012, đáng lẽ PGBank phải lớn mạnh và khẳng định được vị thế trong ngành ngân hàng nước nhà. Thế nhưng, thực tế tình hình tín dụng sa sút.

Xét thấy công tác kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp đã được nhiều tác giả nghiên cứu, tuy nhiên tại Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex chưa có công trình nào về vấn đề này, nên tác giả đã chọn Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex là đơn vị phù hợp để thực hiện nghiên cứu đề tài này.

## **2. Mục tiêu của đề tài**

Đề tài có các mục tiêu chính sau đây:

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận về kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp.
- Đánh giá thực trạng kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại PGBank, từ đó rút ra ưu điểm, nhược điểm trong công tác này tại PGBank.
- Đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại PGBank.

Từ đó, ta có các câu hỏi nghiên cứu sau đây:

- Để đánh giá hiệu quả công tác kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại NHTM cần sử dụng các tiêu chí nghiên cứu cơ bản nào?
- Công tác kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại PGBank đã có những thành công và hạn chế gì?
- Ngân hàng cần làm gì và triển khai các giải pháp như thế nào để hoàn thiện công tác kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại PGBank?

## **3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu**

### ***a. Đối tượng nghiên cứu***

Đề tài nghiên cứu những vấn đề lý luận, thực tiễn của hoạt động kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex.

### ***b. Phạm vi nghiên cứu***

- Nội dung nghiên cứu: Tác giả nghiên cứu công tác kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp như một bộ phận quan

trọng của công tác quản trị rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại PGBank

- Không gian nghiên cứu: Đề tài nghiên cứu những số liệu chung của Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex và thực trạng kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại ngân hàng này.

- Thời gian nghiên cứu: Khảo sát hoạt động kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp của PGBank trong vòng 3 năm: 2014- 2016.

#### **4. Phương pháp nghiên cứu**

Luận văn sử dụng phương pháp sau: Phân tích và tổng hợp lý thuyết, phương pháp thống kê, các phương pháp khảo sát thực trạng, bao gồm khảo sát môi trường bên trong và môi trường bên ngoài PGBank, phương pháp chuyên gia (phỏng vấn sâu và trực tiếp).

#### **5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài nghiên cứu**

##### **a. Ý nghĩa khoa học**

Luận văn góp phần hệ thống hóa lý thuyết về rủi ro tín dụng, quản trị rủi ro tín dụng, đặc biệt là khâu kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay của NHTM.

##### **b. Ý nghĩa thực tiễn**

Luận văn phân tích rõ thực trạng kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại PGBank 2014-2016. Rút ra những ưu điểm, nhược điểm cũng như các kỹ thuật kiểm soát đã và chưa được sử dụng, sự thống nhất hay chưa giữa mục tiêu quản trị và cách thức tiến hành kiểm soát.

#### **6. Bố cục (dự kiến) của luận văn**

Ngoài phần mở đầu và kết luận, đề tài nghiên cứu được trình bày gồm 03 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại NHTM

Chương 2: Đánh giá thực trạng kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (PGBank)

Chương 3: Các khuyến nghị hoàn thiện công tác kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex.

## **7. Tổng quan tình hình nghiên cứu**

Dựa vào các luận văn Thạc sĩ từ năm 2014-2016 và các bài báo trên các tạp chí khoa học, rút ra tình hình nghiên cứu:

Nhìn chung các công trình nghiên cứu đều chỉ mang tính cục bộ, chỉ nghiên cứu, phân tích trong phạm vi nghiên cứu của từng chi nhánh Ngân hàng riêng biệt. Điều đáng lưu ý, khái niệm về “rủi ro” đôi lúc còn chưa thống nhất. Chưa nhấn mạnh được chức năng nhiệm vụ của quản trị rủi ro, chưa phân biệt cụ thể giữa quản trị rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Bên cạnh đó cũng có rất nhiều bài viết sâu sắc đã đưa ra được nhiều giải pháp cho công tác kiểm soát rủi ro tín dụng nước ta hiện nay.

## **CHƯƠNG 1**

### **CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY TẠI NHTM**

#### **1.1 . HOẠT ĐỘNG CHO VAY DOANH NGHIỆP CỦA NHTM**

Cho vay là quan hệ giao dịch giữa hai chủ thể (NHTM và người vay), trong đó một bên (NHTM) chuyển giao tiền hoặc tài sản cho bên kia (người vay) sử dụng trong một thời gian nhất định, đồng thời bên nhận tiền hoặc tài sản cam kết hoàn trả vốn (gốc và lãi) cho bên vay vô điều kiện theo thời hạn đã thỏa thuận.

Cho vay doanh nghiệp có đặc điểm: Đa dạng về hình thức, chiếm tỉ trọng lớn trong nghiệp vụ cho vay của NHTM, có tính chất phức tạp, thường có dư nợ lớn, sinh lời cao nên rủi ro đi kèm cũng rất cao.

#### **1.2 . RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY DOANH NGHIỆP**

##### **1.2.1 . Khái niệm**

###### ***a. Rủi ro***

Rủi ro là sự bất định, hay còn gọi là sự không chắc chắn của sự việc so với dự tính ban đầu của chủ thể.

###### ***b. Rủi ro tín dụng trong cho vay***

Rủi ro tín dụng trong cho vay NHTM phát sinh trong trường hợp ngân hàng không thu hồi đủ vốn gốc và lãi, hoặc thu hồi không đúng thời hạn đã cam kết trong hợp đồng tín dụng.

##### **1.2.2. Phân loại rủi ro tín dụng trong cho vay**

##### **1.2.3 . Nguyên nhân dẫn đến rủi ro tín dụng trong cho vay**

###### ***a. Nguyên nhân chủ quan***

Do ngân hàng, do doanh nghiệp

***b. Nguyên nhân khách quan***

Do chính sách Nhà nước, do môi trường pháp lý, do sự biến động về chính trị - xã hội trong và ngoài nước, do sự biến động của nền kinh tế, do thiên tai bão lũ, khủng bố, chiến tranh....

**1.2.4 . Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng trong cho vay**

***a. Đối với ngân hàng***

Khiến ngân hàng không thu hồi đủ và đúng hạn nguồn vốn cho vay, giảm lợi nhuận, mất khả năng thanh khoản, mất uy tín.

***b. Đối với nền kinh tế***

Gây mất ổn định trên thị trường tiền tệ, gây khó khăn cho các doanh nghiệp, làm ảnh hưởng tiêu cực đối với đời sống xã hội.

**1.3 . KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY TẠI NHTM**

**1.3.1 . Khái niệm**

Kiểm soát rủi ro là việc sử dụng các biện pháp, kỹ thuật, công cụ, chiến lược, chương trình hành động...trước khi tổn thất xảy ra nhằm đảm bảo đúng ý đồ ban đầu của nhà quản trị.

**1.3.2 . Mục đích kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay**

Đảm bảo duy trì đúng chủ trương, chính sách cho vay của nhà quản trị. Tạo lập một danh mục tín dụng hợp lý với tỷ lệ sinh lời mong muốn đi kèm với tỷ lệ rủi ro chấp nhận được của nhà quản trị.

**1.3.3 . Các kỹ thuật kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay**

***a. Né tránh:*** Chủ động né tránh hoặc từ bỏ rủi ro trước khi nó xảy ra, bằng cách loại bỏ từ gốc các nguyên nhân gây ra rủi ro đó.



**b. Ngăn ngừa rủi ro:** Là các biện pháp kỹ thuật tập trung vào chính mối nguy hiểm để ngăn ngừa tổn thất xảy ra. Một số biện pháp thường được sử dụng:

**c. Giảm thiểu rủi ro:** Để giảm thiểu tác hại, nhà quản trị phải đưa ra các biện pháp dự phòng ngay từ ban đầu để nếu rủi ro xảy ra có thể bù đắp được một phần hoặc hoàn toàn những tổn thất.

**d. Chuyển giao rủi ro:** Là chuyển giao sự bất định sang cá thể khác.

### **1.3.4 . Các tiêu chí đánh giá kết quả kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay**

#### **a. Chỉ tiêu phản ánh khối lượng công việc thực hiện:**

- **Tổng dư nợ cho vay**

Chỉ tiêu này cần so sánh với mục tiêu tăng trưởng tín dụng của nhà quản trị. Thông thường đối với các ngân hàng, chỉ tiêu này cao là tốt, tuy nhiên nếu quá cao so với chiến lược phát triển bền vững, giảm thiểu nợ xấu thì có thể công tác kiểm soát chưa đúng với chính sách quản trị.

- **Số lượng món vay**

Chỉ tiêu không chỉ phản ánh nỗ lực tìm kiếm các món vay mới, mà còn thấy được cách thức ngân hàng kiểm soát danh mục cho vay.

- **Số lượng doanh nghiệp giao dịch**

Thông thường khi tăng số lượng khách hàng thì dư nợ tăng, với chính sách tăng trưởng tín dụng mạnh mẽ thì chỉ tiêu này cao là rất tốt, ngược lại với chính sách tăng trưởng bền vững, giảm nợ xấu thì chỉ tiêu này cũng cần được không chế tỷ lệ.

#### **b. Chỉ tiêu phản ánh chất lượng của công việc thực hiện:**

- **Tỷ lệ nợ xấu**

$$\text{Tỷ lệ nợ xấu} = \frac{\text{Dư nợ xấu}}{\text{Tổng dư nợ}} \times 100$$

Tỷ lệ nợ xấu phản ánh: trong tổng dư nợ cho vay hiện tại, dư nợ xấu chiếm tỷ lệ bao nhiêu. Thông thường, tỷ lệ này càng cao thì càng không tốt.

- ***Biến động cơ cấu nợ xấu***

Khi cơ cấu nợ xấu mà trong đó nhóm 3 tăng và nhóm 4, 5 giảm là dấu hiệu đi đúng đường của phương pháp kiểm soát rủi ro đang áp dụng, hoặc ngược lại, nếu nhóm 4 và 5 tăng lên nghĩa là các phương pháp kiểm soát rủi ro đang có những sai lầm nghiêm trọng.

- ***Tỷ lệ trích lập dự phòng rủi ro tín dụng***

$$\text{Tỷ lệ trích lập dự phòng} = \frac{\text{Số dư quỹ dự phòng}}{\text{Tổng dư nợ}} \times 100$$

RRTD =

Tỷ Bên cạnh việc trích lập dự phòng tuân thủ theo quy định tối thiểu, thì việc trích nhiều hơn quy định hay không và nhiều hơn bao nhiêu còn phụ thuộc vào chính sách chấp nhận bao nhiêu rủi ro của nhà quản trị.

- ***Tỷ lệ xóa nợ rỗng***

$$\text{Tỷ lệ xóa nợ rỗng} = \frac{\text{Giá trị xóa nợ rỗng}}{\text{Tổng dư nợ}} \times 100$$

Khi khoản nợ bị xóa tức là ngân hàng đã bị mất vốn gốc và lãi của khoản nợ đó. Tỷ lệ xóa nợ rỗng càng cao, chứng tỏ ngân hàng mất vốn càng nhiều, thiệt hại ngân hàng đã gánh chịu càng lớn, nghĩa là phương pháp kiểm soát rủi ro rất sai lầm.

- ***Tỷ lệ nợ xấu mới phát sinh trong kỳ:***

$$\text{Tỷ lệ nợ xấu mới PS} = \frac{\text{DN xấu mới PS trong kỳ}}{\text{DN xấu mới PS trong kỳ}} \times x$$

$$= \frac{\text{Tổng DN trong kỳ}}{100}$$

Trong đó,

*Tổng dư nợ xấu trong kỳ* = *Tổng dư nợ xấu kỳ trước* – *dư nợ xấu đã xử lý trong kỳ* + *dư nợ xấu phát sinh mới trong kỳ*.

Đây là chỉ tiêu rất quan trọng phản ánh chất lượng công việc, nó góp phần làm rõ thêm chất lượng kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp khi kết hợp với chỉ tiêu tỷ lệ nợ xấu ta đã nêu ở trên.

### **1.3.5 . Các nhân tố ảnh hưởng đến công tác kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp**

#### ***a. Nhân tố chủ quan***

Gồm các nhân tố: Chính sách cho vay của nhà quản trị, công nghệ ngân hàng, công tác kiểm tra, giám sát trong và sau khi vay, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, khả năng nắm bắt tình hình của đội ngũ cán bộ tín dụng.

#### ***b. Nhân tố khách quan***

Gồm các nhân tố: Trình độ quản lý và tư cách đạo đức của nhà quản lý doanh nghiệp, sự phát triển của nền kinh tế trong nước và toàn cầu.

## **KẾT LUẬN CHƯƠNG 1**

Chương 1, tác giả đã hệ thống hóa được cơ sở lý luận về quản trị rủi ro và kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay của NHTM. Tác giả cũng xây dựng hệ thống tiêu chí cụ thể, nhằm đánh giá được kết quả của công tác này tại các NHTM. Từ đó sẽ đi sâu phân tích thực trạng

kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại PGBank, nhằm đưa ra các khuyến nghị giúp ngân hàng hoàn thiện hơn công tác kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp, nhờ đó có thể đứng vững và phát triển lâu dài.

## **CHƯƠNG 2**

### **ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY DOANH NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG TMCP XĂNG DẦU PETROLIMEX (PGBANK)**

#### **2.1 . TỔNG QUAN NGÂN HÀNG TMCP XĂNG DẦU PETROLIMEX**

##### **2.1.1 . Lịch sử hình thành và phát triển**

Tiền thân của PG Bank là Ngân hàng TMCP Nông thôn Đồng Tháp. Năm 1993, Ngân hàng Đồng Tháp Mười được Thống đốc NHNN cấp phép hoạt động với số vốn điều lệ ban đầu là 700.000.000đ. Thực hiện tái cấu trúc cơ cấu hoạt động Ngân hàng, tháng 7/2005, Ngân hàng đã tăng vốn điều lệ lên 90 tỷ đồng, trong đó có các cổ đông lớn có tiềm lực tài chính và kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính Ngân hàng như Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam (PETROLIMEX), Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI). Đến nay vốn điều lệ đạt 3.000 tỷ đồng, và có tên chính thức là Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex.

#### **2.2 . BỐI CẢNH KINH DOANH CỦA NGÂN HÀNG TMCP XĂNG DẦU PETROLIMEX 2014-2016**

##### **2.2.1 . Bối cảnh bên ngoài**

###### ***a. Thuận lợi***

Môi trường pháp lý đang từng bước hoàn thiện hóa.

Nhiều thành tựu đã đạt được của nền kinh tế 5 năm qua về tang GDP, IIP, CPI, PMI, cùng với những đổi mới trong ngành tài chính ngân hàng.

### ***b. Khó khăn***

Những tổn thất, tàn tích đọng lại sau cuộc khủng hoảng mà mỗi một quốc gia phải đối mặt.

Việc khai thác thị trường bên ngoài lãnh thổ quốc gia của các doanh nghiệp Việt Nam bị đứt đoạn, gặp nhiều khó khăn.

NHNN quan tâm về các khoản cho vay lĩnh vực bất động sản tăng trưởng quá nhanh năm 2015-2016. Tái cơ cấu các NTHM hoạt động yếu kém.

## **2.2.2 . Bối cảnh bên trong**

### ***a. Chiến lược kinh doanh***

Chiến lược kinh doanh của PGBank là phát triển theo mô hình ngân hàng đa năng, trong đó ưu tiên tập trung và áp dụng chiến lược khác biệt hóa để trở thành ngân hàng hàng đầu tại những lĩnh vực.

### ***b. Tình hình khách hàng***

Các khách hàng doanh nghiệp lớn của PGBank tập trung chủ yếu đều là các công ty thành viên và công ty chuyên doanh, cổ phần của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam.

### ***c. Nguồn lực con người, cơ sở vật chất***

- Cơ sở vật chất: Có 81 chi nhánh và phòng giao dịch với hơn 1.500 nhân viên. Cơ sở vật chất vẫn còn chưa hiện đại và đồng bộ.

- Nguồn lực con người

Có tất cả 1.500 nhân viên, trình độ không đồng đều, hiện tượng bị chảy máu chất xám xảy ra liên tục trong những năm qua.

## **2.3 . THỰC TRẠNG KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY DOANH NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG TMCP XĂNG DẦU PETROLIMEX**

### **2.3.1 . Khái quát tình hình cho vay doanh nghiệp**

Tổng dư nợ cho vay doanh nghiệp của Ngân hàng trong 3 năm 2014-2016 đều giảm nhưng không đáng kể: 2014 là 79.64%; 2015 chiếm 71.19%; và 2016 là 61.94%. Ngân hàng có mở rộng cho vay đối với khách hàng cá nhân, và thận trọng hơn trong cho vay doanh nghiệp.

Ngân hàng chú trọng cho vay các ngành nghề, các dự án trung dài hạn nhiều hơn là các doanh nghiệp có nhu cầu lưu động ngắn hạn. Các khoản cho vay dài hạn chủ yếu tập trung ở các lĩnh vực như: nông nghiệp, công nghiệp, xây dựng, khai khoáng.

### **2.3.2 . Thực trạng sử dụng các kỹ thuật kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại PGBank**

#### ***a. Quy trình công tác kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại PGBank***

- Bước 1: Ban Lãnh đạo cấp cao nhất đưa ra chính sách kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay được áp dụng trên toàn hệ thống.
- Bước 2: Giám đốc chi nhánh đưa ra các chính sách cụ thể hơn dành cho chi nhánh của mình.
- Bước 3: Tại chi nhánh, phòng khách hàng doanh nghiệp thẩm định khách hàng, dự án cho vay, đánh giá rủi ro và lựa chọn các phương pháp kiểm soát rủi ro tín dụng đối với khoản vay đó, trình Giám đốc chi nhánh phê duyệt. Các phương pháp kiểm soát rủi ro sau giải ngân cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ khoản vay đều do phòng ban này đảm nhiệm. Phòng Hỗ trợ tín dụng chịu trách nhiệm

hướng dẫn khách hàng hoàn thành hồ sơ vay theo yêu cầu của phòng KHDN, và tiến hành theo dõi, nhắc nhở khách hàng trả nợ đúng hạn.

- Những khoản vay có dư nợ vượt thẩm quyền được giao của Giám đốc chi nhánh, sẽ được chuyển hồ sơ lên phòng Quản lý rủi ro tín dụng tại hội sở để thẩm định và xin cấp lãnh đạo phê duyệt.

- Bước 4: Việc kiểm tra giám sát công tác kiểm soát rủi ro tín dụng của chi nhánh cũng như hội sở được thực hiện một năm 1 năm 1 lần vào kỳ kiểm toán nội bộ hàng năm.

***b. Thực trạng sử dụng các biện pháp né tránh rủi ro tín dụng***

- **Thẩm định, sàng lọc và cấp tín dụng cho khách hàng**

Bao gồm các công tác sau:

Thẩm định năng lực tài chính: sử dụng bảng XHTD nội bộ, thường lựa chọn nhóm khách hàng duy trì (BBB, BB, B). Các số liệu tài chính do doanh nghiệp cung cấp dễ bị sửa đổi theo ý chủ quan. Kết quả thẩm định không được duyệt qua nhiều cấp cán bộ.

Thẩm định quan hệ tín dụng của DN với các TCTD khác hiện tại, quá khứ bằng cách lấy thông tin trên cổng CIC của NHNN. Các số liệu này chỉ mang tính chất tham khảo.

Thẩm định năng lực lãnh đạo và tư cách đạo đức của nhà quản lý doanh nghiệp chủ yếu bằng cảm quan, cảm tính.

Thẩm định tính khả thi của DADT bằng phương pháp hiện tại hóa giá trị dòng tiền trong tương lai. Đôi khi không đem lại kết quả như mong muốn vì khả năng phán đoán của Ngân hàng sai.

- **Giới hạn tín dụng đối với khách hàng vay vốn:**

Thực hiện theo quy định chung về mức tối đa dư nợ của một khách hàng không được vượt, và xét giới hạn cụ thể cho từng khoản vay theo hạn mức.

*c. Thực trạng sử dụng biện pháp ngăn ngừa rủi ro tín dụng*

- Quy trình cho vay được xây dựng còn thiếu chặt chẽ
- Chưa ràng buộc khách hàng bởi các điều khoản chặt chẽ

trong hợp đồng cho vay

- Chưa thành lập các phòng ban cấp cao rà soát kiểm tra lại hồ sơ cho vay

*d. Thực trạng sử dụng biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng*

- Trích lập dự phòng rủi ro
- Phát hiện và xử lý nợ có vấn đề
- Cho vay hợp vốn ( đồng tài trợ)
- Các biện pháp khác

*e. Thực trạng sử dụng biện pháp chuyển giao rủi ro tín dụng*

- Mua bảo hiểm cho rủi ro khoản vay
- Yêu cầu bảo lãnh của bên thứ 3
- Sử dụng các công cụ phái sinh

**2.3.3 . Kết quả kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại PGBank**

*a. Chỉ tiêu quy mô công việc*

Dư nợ tín dụng cho vay doanh nghiệp giảm, số lượng doanh nghiệp giao dịch giảm tương ứng với tỉ lệ: 0.84 % của năm 2015 so với 2014, và 7.06% của năm 2016 với 2015. Số lượng món vay giảm mạnh với 24.32% và đến năm 2016 tiếp tục giảm thêm 14.22% nữa.

*b. Chỉ tiêu chất lượng*

- Tỷ lệ nợ xấu

Trong 3 năm 2014-2016, tỷ lệ nợ xấu trong cho vay doanh nghiệp gần như không biến động nhiều, vẫn luôn giữ ở mức cao, lần lượt là: 2.48% vào năm 2014; 2.75% năm 2015 và 2.47% 2016. Tỷ lệ



nợ xấu trong cho vay trung dài hạn đều cao hơn rất nhiều so với cho vay ngắn hạn cả 3 năm 2014-2016.

Xét về ngành nghề, tuy dư nợ không chiếm tỷ trọng cao nhất, nhưng 02 ngành xây dựng và khai khoáng lại có tỷ lệ nợ xấu rất cao. Năm 2014, xây dựng là 9.66%; khai khoáng là 14.96%.

Nhìn toàn cảnh tất cả các ngành, cả 03 năm qua Ngân hàng không có bước đột phá trong việc xử lý nợ xấu. Số liệu trong 03 năm của từng ngành gần như không thay đổi mấy, có thể nói là đứng im.

- **Biến động cơ cấu nợ xấu**

Tỷ trọng nợ nhóm 3, 4, 5 chênh lệch khá lớn ở năm 2014 với 7.89% nhóm 3; 25.43% nhóm 4 và rất cao ở nhóm 5 với 66,68%. Đến năm 2015, cơ cấu nhóm nợ xấu có được hạn chế, trong đó tỷ trọng nợ nhóm 3, 4 tăng với 34.59% và 42.63%, còn nhóm 5 còn 22.78%. Đến 2016, tỷ lệ nợ xấu giảm nhẹ nhưng nợ nhóm 5 đạt mức cao nhất trong 3 năm qua với 72.18%. Trong khi đã thắt chặt quy mô nhưng chính sách kiểm soát rủi ro của PGBank có vẻ đi chệch hướng khi liên tiếp gánh chịu những khoản vay rủi ro cao nhất.

- **Tỷ lệ trích lập dự phòng rủi ro tín dụng**

Việc trích lập DPRR được PGBank thực hiện đầy đủ theo đúng quy định của NHNN, vì vậy mặc dù trong những năm qua phải đối mặt với rất nhiều nợ xấu nhưng Ngân hàng vẫn bù đắp được phần nào những rủi ro đó để tiếp tục đưa hoạt động của Ngân hàng về mức bình thường. Tỷ lệ trích lập DPRR cũng có biến động nhỏ trong 3 năm 2014-2016. Cụ thể là năm 2014 tỷ lệ trích lập chiếm 0.68%; năm 2015 giảm nhẹ 0.14% do trong năm 2015 tỷ lệ nợ xấu giảm, nhưng đến năm 2016 tỷ lệ nợ xấu tăng nên tỷ lệ trích lập dự phòng cũng tăng tương ứng, tăng 0.47%.

- **Tỷ lệ xóa nợ ròng**

Năm 2014 tỷ lệ này là 1.57%, có giảm vào năm 2015 còn 1% do 2015 tỷ lệ nợ nhóm 5 đã giảm tương đối mạnh. Nhưng đến 2016 tỷ lệ xóa nợ ròng tăng hơn gấp đôi 2.1% cho thấy công tác kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại PGbank giai đoạn này có nhiều bất cập, sai lầm.

- **Tỷ lệ nợ xấu mới phát sinh trong kỳ**

Năm 2014 là 65.32%; 2015 có giảm nhẹ còn 43.29%, nhưng 2016 lại tăng vọt và tăng cao nhất với 69.32%. Với số nợ xấu tồn đọng chưa giải quyết, cộng thêm các khoản nợ xấu mới phát sinh ở ạt khiến Ngân hàng đứng trên bờ nguy hiểm. Nó cho thấy thực tế báo động khi PGbank không quản lý được các khoản nợ mới phát sinh, công tác kiểm soát rủi ro quá yếu kém.

### **2.3.4 . Đánh giá chung kết quả kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp của PGBank**

#### ***a. Những thành công đạt được***

PGBank thực hiện xây dựng mô hình xếp hạng tín dụng nội bộ phù hợp với phạm vi hoạt động, tình hình thực tế, đặc điểm kinh doanh của mình theo tinh thần Quyết định 493 của NHNN.

Ngân hàng có lượng khách hàng ruột trung thành, gắn bó lâu dài với Ngân hàng.

PG Bank luôn trích lập dự phòng ngay khi cần thiết trên cơ sở thận trọng và phù hợp với các quy định của NHNN Việt Nam.

#### ***b. Hạn chế***

Hệ thống XHTD nội bộ của Ngân hàng còn mang tính chất lý thuyết, chưa phát huy được tác dụng thực sự, bởi các yếu tố cấu

thành còn mang tính chủ quan, hình thức, ảnh hưởng trực tiếp đến công tác thẩm định và cấp tín dụng cho khách hàng.

Việc cấp tín dụng hiện nay còn tập trung nhiều vào các ngành nghề, lĩnh vực chứa đựng nhiều rủi ro do biến động thị trường như: khai khoáng, nông nghiệp, xây dựng ....

Việc phân quyền, phân việc cho các bộ phận liên quan còn chưa hợp lý. Tại chi nhánh, không có phòng ban thẩm định, rà soát lại các hồ sơ tín dụng.

Nội dung của hợp đồng tín dụng chưa được kiểm soát chặt chẽ để đảm bảo lợi ích của Ngân hàng. Các điều khoản trong hợp đồng tín dụng còn chung chung.

Công tác kiểm tra giám sát trong và sau khi giải ngân chưa được thực hiện quy mô, bài bản và đúng quy trình. Công tác này hiện nay mới chỉ mang tính chất hình thức, qua loa, đại khái.

Các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng cho vay chủ yếu chỉ được thực hiện tốt việc trích lập dự phòng. Các biện pháp chuyển giao rủi ro được thực hiện rất hạn chế.

Quy mô Ngân hàng còn nhỏ, mạng lưới trên toàn quốc chưa rộng rãi. Bởi lẽ đó, cán bộ đáp ứng về số lượng cũng như chất lượng không nhiều.

### ***c. Nguyên nhân***

#### ***\* Nguyên nhân bên ngoài***

Tính pháp lý còn chưa được hoàn thiện. Nền kinh tế mở cửa khiến các nhà đầu tư, các doanh nghiệp nước ngoài có cơ hội xâm nhập vào Việt Nam, gây cạnh tranh mạnh mẽ đối với các doanh nghiệp trong nước.

Sự thiếu minh bạch về tình hình tài chính của bên vay vốn

Thị trường tài chính Việt Nam chưa phát triển kịp đà thế giới, vì thế các công cụ phái sinh chưa được triển khai sâu rộng, các biện pháp bảo hiểm dành cho khoản vay không nhiều.

Còn nhiều khách hàng có năng lực tài chính yếu kém, dự án đầu tư kém khả thi, trình độ quản lý non nớt, hạn chế nên khả năng chống đỡ, giải quyết các khó khăn rất thấp, vô cùng lúng túng.

Số lượng NHTM dày đặc, môi trường cạnh tranh khốc liệt, khiến các NHTM quên đi các điều kiện kiểm soát rủi ro, chú trọng vào việc lôi kéo khách hàng.

***\* Nguyên nhân bên trong***

Cơ chế chính sách của Ngân hàng ít có chuyển biến. Do còn là ngân hàng nhỏ, quy mô, chất lượng chưa được đánh giá cao, các quy trình chưa được chuyên nghiệp, phần mềm không được đầu tư hiện đại đầy đủ nhất.

Hệ thống xếp hạng tín dụng bị chi phối nhiều bởi ý kiến chủ quan của các bộ tín dụng. Các cán bộ ngân hàng hầu hết được đào tạo cục bộ, kiến thức chuyên sâu về các ngành nghề còn yếu kém, chiều sâu xã hội không trau dồi thường xuyên.

Chế độ đãi ngộ của Ngân hàng đối với nhân viên còn yếu kém, khiến lượng cán bộ nhân viên bỏ việc rất nhiều.

Sự phối hợp giữa các phòng ban, bộ phận chưa được ăn ý, chuyên nghiệp.

Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản trị rủi ro tín dụng nói chung và kiểm soát rủi ro tín dụng nói riêng còn hạn chế.

## **KẾT LUẬN CHƯƠNG 2**

Trên cơ sở những nội dung lý luận ở Chương 1, nội dung Chương 2 đã trình bày, phân tích, đánh giá thực trạng rủi ro tín dụng và công tác kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex giai đoạn 2014-2016 với những điểm khái quát như sau:

Luận văn đã đánh giá kết quả hoạt động cho vay của Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex trong 3 năm từ năm 2014 đến năm 2016. Luận văn đã đi sâu vào phân tích thực trạng rủi ro tín dụng và từng biện pháp kiểm soát rủi ro tín dụng của Ngân hàng trong giai đoạn này. Từ đó nhận thấy những hạn chế mấu chốt còn tồn đọng trong công tác kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại PGBank bao gồm: thẩm định cấp tín dụng còn qua loa, kiểm tra giám sát trong và sau giải ngân không được chú trọng đúng mức, đồng thời việc phân quyền các cán bộ tín dụng còn yếu kém khiến công tác kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp mang nhiều ý chí chủ quan của con người, tính tuân thủ nguyên tắc yếu kém, dẫn đến những thiệt hại hiện nay.

Đó cũng chính là cơ sở cho việc đưa ra những định hướng và khuyến nghị cụ thể ở chương 3 để khắc phục và nâng cao chất lượng kiểm soát rủi ro tín dụng tại Ngân hàng.

**CHƯƠNG 3**  
**KHUYẾN NGHỊ HOÀN THIỆN KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN**  
**DỤNG TRONG CHO VAY DOANH NGHIỆP TẠI NGÂN**  
**HÀNG TMCP XĂNG DẦU PETROLIMEX**

**3.1 . CĂN CỨ CỦA KHUYẾN NGHỊ**

**3.1.1 . Định hướng của Nhà Nước đối với hoạt động cho vay của NHTM**

Gồm các định hướng sau: Hoàn thiện thể chế pháp luật ngân hàng và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật, CSTT phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô khác, nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, giám sát ngân hàng, triển khai Đề án “Cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016-2020”.

**3.1.2 . Định hướng và mục tiêu kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại PGBank**

***a. Mục tiêu***

Nỗ lực duy trì tốc độ tăng trưởng dư nợ cho vay HKD hàng năm tăng từ 10-15%, tăng trưởng số lượng khách hàng doanh nghiệp trên 15%, kiểm soát tỷ lệ nợ xấu cho vay doanh nghiệp nhỏ hơn 1,5% trong tổng dư nợ cho vay HKD.

Xử lý triệt để nợ xấu tồn đọng từ các năm trước.

***b. Định hướng***

Điều hòa giữa mục tiêu lợi nhuận và giảm thiểu rủi ro thiệt hại. Thận trọng trong việc thẩm định, ra quyết định cho vay.

### **3.1.3 . Dự báo các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại PGBank trong thời gian tới**

#### ***a. Nhân tố chủ quan***

- Chính sách cho vay của nhà quản trị tăng trưởng quy mô tín dụng vừa phải, thắt chặt việc kiểm soát tỷ lệ nợ xấu.

- Công nghệ ngân hàng chưa thể đầu tư lớn để đổi mới hệ thống công nghệ đang có.

- Công tác kiểm tra, giám sát trong và sau khi vay sẽ thận trọng hơn trong công tác này để cải thiện tình hình nợ xấu mới phát sinh.

- Trình độ chuyên môn nghiệp vụ, khả năng nắm bắt tình hình của đội ngũ cán bộ tín dụng : ‘chảy máu’ nguồn nhân lực vẫn là vấn đề bất cập.

#### ***b. Nhân tố khách quan***

- Lãi suất huy động tiếp tục ổn định và lãi suất cho vay có xu hướng giảm.

- Sự phát triển của nền kinh tế trong nước và toàn cầu hiện nay đang trên đà ổn định và phát triển trở lại. Nhưng sự phát triển và tính minh bạch của thị trường công cụ phái sinh chưa cao khiến các ngân hàng có ít sự lựa chọn trong phương pháp kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay.

- Các thay đổi trong chính sách tiền tệ của Nhà nước về xử lý nợ xấu và xử lý tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu của TCTD, quyết tâm cải cách, cơ cấu lại các NHTM hoạt động yếu kém.

## **3.2 . CÁC KHUYẾN NGHỊ HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY DOANH NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG TMCP XĂNG DẦU PETROLIMEX**

### **3.3.1 Khuyến nghị đối với Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex**

- a. Xây dựng quy trình kiểm soát rủi ro tín dụng chặt chẽ, tuân theo đúng quy định, quy chế của NHNN*
- b. Nâng cao trình độ nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ tín dụng*
- c. Nâng cao chất lượng công tác thẩm định*
- d. Chấp hành nghiêm chỉnh quy chế đảm bảo tiền vay*
- e. Nâng cao công tác kiểm tra giám sát trong và sau khi cho vay*
- f. Thêm các điều khoản hạn chế rủi ro trong hợp đồng tín dụng*
- g. Đa dạng hóa danh mục tín dụng trong cho vay, tránh cho vay đối với các ngành nghề có rủi ro cao.*
- h. Nghiên cứu sử dụng các công cụ phái sinh tài chính*
- i. Nâng cao hiệu quả hoạt động kiểm tra, kiểm soát nội bộ*
- j. Áp dụng công nghệ trong công tác kiểm soát rủi ro tín dụng*
- k. Tạo lập mối quan hệ tốt với chính quyền địa phương, với NHNN và với các tổ chức báo chí có uy tín...*

### **3.3.2. Khuyến nghị đối với NHNN**

- a. Hoàn thiện cách thức giám sát ngân hàng*



*b. Xây dựng, hoàn thiện các hệ thống cần thiết để đảm bảo an ninh hoạt động ngân hàng*

*c. Hướng dẫn, chỉ đạo các NHTM thực hiện các chế tài của Nhà nước nhằm an toàn hoá hoạt động tín dụng*

**3.3.3. Khuyến nghị với các tổ chức, bộ ngành khác có liên quan**

*a. Đối với các tổ chức kiểm toán*

*b. Đối với một số bộ ngành khác*

## KẾT LUẬN

Luận văn đã hệ thống hóa các cơ sở lý luận cơ bản về rủi ro tín dụng, quản trị rủi ro tín dụng và kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp. Tiếp đến, luận văn tập trung đánh giá thực trạng hoạt động kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex trong khoảng thời gian 2014- 2016, đánh giá được những kết quả đạt được cũng như những hạn chế và tìm ra nguyên nhân gây nên những hạn chế đó trong công tác này tại PGBank trong thời gian qua.

Trên cơ sở lý luận và thực tiễn đó, luận văn đã nêu được những khuyến nghị cụ thể đối với Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex, đối với Ngân hàng Nhà nước, các Bộ ban ngành liên quan nhằm nâng cao chất lượng công tác kiểm soát rủi ro tín dụng nói chung và kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp nói riêng, đưa hoạt động ngân hàng ngày càng đạt chuẩn quốc tế, gây dựng lòng tin trong khách hàng, thúc đẩy nền kinh tế phát triển lành mạnh, bền vững.

**Khoa Quản lý chuyên ngành đã kiểm tra và xác nhận:**  
*Tóm tắt luận văn được trình bày theo đúng quy định về hình  
thức và đã được chỉnh sửa theo kết luận của Hội đồng*

